

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/DS-ST
Ngày 19 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà E, Tổ A, khu phố B, phường B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông và ông L thỏa thuận giao kết vay mượn tài sản nhiều lần cụ thể:

Lần 01: Ngày 06/4/2022, ông cho ông L vay số tiền 10.000.000 đồng, có làm biên nhận, ông L ký tên xác nhận nợ, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 7%/tháng. Hai bên thỏa thuận thời gian trả xong nợ vào ngày 06/4/2023, ông L có đóng lãi đến tháng 7 năm 2023 với số tiền 10.500.000 đồng. Nay tính lãi theo pháp luật 1,66%/tháng, từ ngày 06/4/2022 đến ngày 19/8/2025 là 40 tháng là 10.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 38 tháng = 6.640.000 đồng.

Lần 02: Ngày 06/6/2022, ông cho ông L vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, ông L ký tên xác nhận nợ, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là

5%/tháng, ông L có đóng lãi đến tháng 7 năm 2023 với số tiền 12.000.000 đồng. Nay tính lãi theo pháp luật 1,66%/tháng, từ ngày 06/6/2022 đến ngày 19/8/2025 là 38 tháng là 20.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 38 tháng = 12.616.000 đồng.

Lần 02: Ngày 05/02/2023, ông cho ông L vay số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận, ông L ký tên xác nhận nợ, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 5%/tháng, ông L có đóng lãi đến tháng 7 năm 2023 với số tiền 7.500.000 đồng. Nay tính lãi theo pháp luật 1,66%/tháng, từ ngày 05/02/2023 đến ngày 19/8/2025 là 30 tháng là 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 30 tháng = 14.940.000 đồng.

Lần 04: Ngày 10/7/2023, ông cho ông L vay số tiền 60.000.000 đồng, có làm biên nhận, ông L ký tên xác nhận nợ, từ khi vay đến nay ông L không đóng lãi cho ông. Nay tính lãi theo pháp luật 1,66%/tháng, từ ngày 10/7/2023 đến ngày 19/8/2025 là 25 tháng là 60.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 25 tháng = 24.900.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bị đơn đã đóng cho ông là 30.000.000 đồng, tổng số tiền lãi theo quy định bị đơn phải trả cho ông là 59.096.000 đồng trừ bị đơn phải tiếp tục trả lãi cho ông là 29.096.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông L trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng tiền gốc và 29.096.000 đồng tiền lãi, tổng số tiền là 149.096.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với các giấy thỏa thuận và xác nhận mượn tiền ngày 06/4/2022, 06/6/2022, 05/02/2023, 10/7/2023 thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn lần lượt 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng và 60.000.000 đồng.

Theo nguyên đơn xác định, quá trình vay bị đơn không thanh toán nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ trên.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu lãi suất chậm trả: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo nguyên đơn xác định quá trình vay bị đơn đã thanh toán tổng số tiền lãi là 30.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng và đối trừ với số tiền lãi bị đơn đã đóng.

Đối với khoản nợ 10.000.000 đồng, nguyên đơn tính lãi từ ngày 06/4/2022 đến ngày 19/8/2025 là 40 tháng = 10.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 38 tháng = 6.640.000 đồng.

Đối với khoản nợ 20.000.000 đồng, nguyên đơn tính lãi từ ngày 06/6/2022 đến ngày 19/8/2025 là 38 tháng (20.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 38 tháng) = 12.616.000 đồng.

Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng, nguyên đơn tính lãi từ ngày 05/02/2023 đến ngày 19/8/2025 là 30 tháng (30.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 30 tháng) = 14.940.000 đồng.

Đối với khoản nợ 60.000.000 đồng, nguyên đơn tính lãi từ ngày 10/7/2023 đến ngày 19/8/2025 là 25 tháng (60.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 25 tháng) = 24.900.000 đồng.

Mức lãi suất và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả là 59.096.000 đồng, đối trừ số tiền bị đơn đã đóng là 30.000.000 đồng thì bị đơn phải trả số tiền lãi là 29.096.000 đồng.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 149.096.000 đồng, trong đó tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 29.096.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 7.454.000 đồng.

Nguyên đơn được miễn dự nộp do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn T số tiền 149.096.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T được miễn.

- Ông L phải chịu 7.454.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3- Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Út

Phạm Hồng Ân

Hồ Dũng Liêm

